



Máy in để bàn Dòng **RT700iW**

Dòng sản phẩm RT700iW mang tính cách mạng sẵn sàng thử thách nhận thức của bạn đối với việc in mã vạch

RT700iW và RT730iW được sản xuất để mang lại cam kết cao nhất cho các ứng dụng bán lẻ, kho bãi, kho vận và vận chuyển, chính phủ và quản trị, và chăm sóc sức khỏe.



- Cổng USB2.0, USB host, Nối tiếp & song song, Ethernet, mô-đun WIFI & Bluetooth tùy chọn dành cho nhiều ứng dụng khác nhau.
- 32 MB SDRAM và bộ nhớ Flash 128 MB - bao gồm 60 MB khả dụng cho người dùng.

- Màn hình LCD TFT màu có nút điều hướng để vận hành trực quan.
- Độ phân giải 203 dpi (8 chấm/mm) & 300 dpi (12 chấm/mm); tốc độ in lên tới 7"/177 mm mỗi giây.
- Hỗ trợ 300 mét dải băng và giá đỡ nhãn đường kính 10 inch có sẵn để in số lượng lớn.

GODEX



Specification

Dòng RT700iW

Model		RT700iW	RT730iW
Phương pháp in		Truyền nhiệt / Nhiệt trực tiếp	
Độ phân giải		203 dpi (8 chấm / mm)	300 dpi (12 chấm / mm)
Tốc độ in		Up to 7 IPS (177 mm/s)	5 IPS (127 mm/s)
Chiều rộng bản in		4,25" (108 mm)	4,16" (105,7 mm)
Độ dài bản in		Tối thiểu. 0,16" (4 mm) **; Tối đa 68" (1727 mm)	Tối thiểu. 0,16" (4 mm) **; Tối đa 30" (762 mm)
Bộ vi xử lý		32 Bit RISC CPU	
Bộ nhớ	Flash	128 MB Flash (60 MB sử dụng lưu trữ)	
	SDRAM	32MB	
Loại cảm biến		Cảm biến phản xạ có thể điều chỉnh (phạm vi điều chỉnh toàn bộ chiều rộng) Cảm biến truyền cố định và được căn giữa	
Decal mã vạch	Các loại:	Dạng liên tục, nhãn khoảng cách, cảm biến dấu đen và đục lỗ, chiều dài nhãn được đặt bằng cảm biến tự động hoặc lập trình	
	Chiều rộng	1" (25.4 mm) Min. – 4,64" (118 mm) Max.	
	Độ dày	0,003" (0,076 mm) Min. - 0,008" (0,20 mm) Max.**	
	Đường kính cuộn decal	Max. 5" (127 mm)	
	Đường kính lõi	1" (25,4 mm), 1,5" (38,1mm)	
Ruy băng mực	Các loại	Wax, wax/resin, resin	
	Đường kính cuộn băng	2,67" (68 mm)	
	Đường kính lõi	1" (25,4 mm)	
	Chiều dài	981' (300 m)	
	Chiều rộng	1,18" Min. - 4,33" (30 mm - 110 mm) Max.	
Ngôn ngữ máy in		Tự động chuyển ngôn ngữ EZPL, GEPL, GZPL	
Phần mềm	Phần mềm thiết kế nhãn	GoLabel (chỉ dành cho máy có ngôn ngữ EZPL)	
	Driver	MAC \ Linux \ Windows 2000, XP, Vista, Windows 7, 8.1 and 10 , Windows Server 2003 & 2008	
	DLL	Win CE, .NET, Andriod, Windows Mobile, Windows 2000 / XP / VISTA / Windows 7 / Windows 8.1	
Phòng chữ tích hợp	Phòng Bitmap	6, 8, 10, 12, 14, 18, 24, 30, 16X26 and OCR A & B Phòng chữ bitmap có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°, các ký tự đơn có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270° Phòng chữ bitmap có thể mở rộng 8 lần theo hướng ngang và dọc Phòng TTF (In đậm / in nghiêng / gạch chân). Xoay 0°, 90°, 180°, 270°	
	Phòng TTF		
	Phòng Bitmap	Có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°, các ký tự đơn có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°	
Phòng chữ tải xuống	Phòng Asian	0°, 90°, 180°, 270° rotatable and 8 times expandable in horizontal and vertical directions	
	Phòng TTF	Phòng TTF (In đậm / in nghiêng / gạch chân). Xoay 0°, 90°, 180°, 270°	
Mã vạch	Mã vạch 1D	Code 39, Code 93, EAN-8, EAN-13, EAN 8/13 (with 2 & 5 digits extension), UPC-A, UPC-E, UPC-A and UPC-E with EAN 2 or 5 digit extension, Interleaved 2-of-5 (I 2 of 5), Interleaved 2- o-f 5 with Shipping Bearer Bars, Codabar, Code 128 (subset A, B, C), EAN 128, RPS 128, UCC 128, UCC/EAN-128 K-Mart, Random Weight, Postnet, ITF 14, China Postal Code, HIBC, MSI, Plessey, Telepen, FIM, GS1 DataBar, German Post Code, Planet 11 & 13 digit, Japanese Postnet, Standard 2 of 5, Industrial 2 of 5, Logmars, Code 11, ISBT -128, Code 32	
	Mã vạch 2D	PDF417, Datamatrix code, MaxiCode, QR code, Micro PDF417, Micro QR code and Aztec code, Code 49, Codablock F , TLC 39	
Bộ mã		CODEPAGE 437, 850, 851, 852, 855, 857, 860, 861, 862, 863, 865, 866, 869, 737 WINDOWS 1250, 1251, 1252, 1253, 1254, 1255, 1257 Unicode UTF8 \ UTF16BE \ UTF16LE	
Đồ họa		Các loại tệp đồ họa tích hợp là BMP và PCX, các định dạng đồ họa khác có thể tải xuống từ phần mềm	
Cổng kết nối		Serial port: RS-232 (DB-9) USB Device port (B-Type) IEEE 802.3 10/100Base-Tx Ethernet port (RJ-45) USB Host (A-Type) Parallel Port (Mini-Centronics)	
Bảng điều khiển		Màn hình màu LCD với nút điều chỉnh Phím điều chỉnh: FEED Nút điều khiển Nút bật / tắt nguồn	
Điện năng yêu cầu		Tự động chuyển 100-240VAC, 50-60Hz	
Đồng hồ thời gian thực		Tùy chọn thêm	
Môi rường	Nhiệt độ hoạt động	41°F to 104°F (5°C to 40°C)	
	Nhiệt độ bảo quản	-4°F to 122°F (-20°C to 50°C)	
Độ ẩm	Hoạt động	30-85%, không ngưng tụ	
	Bảo quản	10-90%, không ngưng tụ	
Chứng nhận		CE(EMC) \ FCC Class A \ CB \ cUL \ EAC \ BIS \ CCC	
Kích thước	Chiều dài	11,0" (280 mm)	
	Chiều cao	7,3" (186 mm)	
	Chiều rộng	8,3" (210 mm)	
Khối lượng		5.73 lbs (2.6 Kg) ,Không bao gồm vật tư tiêu hao	
Tùy chọn thêm		Dao cắt tự động Máy bóc tem nhãn tự động Giá đỡ cuộn tem nhãn bên ngoài, đường kính tối đa 10" (250mm) Máy cuộn decal tự động Chức năng Bluetooth Wireless LAN (IEEE 802.11 b/g/n)	

** Thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo. Tất cả các tên công ty và/hoặc tên sản phẩm đều là nhãn hiệu và/hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của chủ sở hữu tương ứng.
Việc tuân thủ thông số về chiều cao in tối thiểu và tốc độ in tối đa có thể phụ thuộc vào sự khác nhau về chất liệu không tiêu chuẩn như: loại nhãn, độ dày, khoảng cách, cấu trúc lót, v.v. GoDEX vui lòng kiểm tra các chất liệu không tiêu chuẩn về chiều cao in tối thiểu và tốc độ in tối đa.